

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 310/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/8/2023

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tam
2. Bà Thiều Thị Phi Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 3089/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 312/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 383/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thiện T, sinh năm 1981; Địa chỉ: 202/54B khu phố 5, phường TD, thành phố BH, tỉnh ĐN (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1984;
Địa chỉ thường trú: 100/33/6 Hà Huy Giáp, khu phố 1, phường QT, thành phố BH, tỉnh ĐN;

Chỗ ở hiện nay: 62/11/14A, tổ 14, khu phố 4, phường QT, thành phố BH, tỉnh ĐN (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các lời khai, tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nguyên đơn ông Nguyễn Thiện Tâm trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (T) và bà Nguyễn Thị Ngọc H tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường TD, thành phố BH, tỉnh ĐN và được UBND phường TD cấp giấy chứng nhận kết hôn số 142/2013, quyền số 01/2013 ngày 01/11/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, cho đến năm 2014 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân

thường hay gây gổ, cãi vã nhau ngày càng trầm trọng và gay gắt hơn liên quan đến tiền bạc, ghen tuông, sinh hoạt trong cuộc sống hàng ngày, bà H thường xuyên ăn nhậu, gia đình bên bà H xem thường và xúc phạm tôi, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không còn thương yêu nhau. Bà H nữa đêm xách đồ bỏ nhà đi luôn cho đến nay, tôi đã nhiều lần tha thứ và hàn gắn nhưng vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa. Vợ chồng tôi đã ly thân từ đầu năm 2014 cho đến nay, mỗi người ở mỗi một nơi (tôi ở tại địa chỉ: 202/54B khu phố 5, phường TD, thành phố BH, tỉnh ĐN, còn bà Hiền ở địa chỉ: 100/33/6 Hà Huy Giáp, khu phố 1, phường QT, thành phố BH, tỉnh ĐN), mạnh ai nấy sống, không còn sống chung nhà, không còn quan tâm chăm sóc nhau, không còn sinh hoạt vợ chồng. Tôi và bà H có gặp nhau vài lần để hàn gắn đoàn tụ gia đình nhưng không thành. Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa tôi và bà H đã hết sức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi (T) được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc H để giải thoát cho nhau.

- Về con chung: Tôi (T) và bà Nguyễn Thị Ngọc H chung sống với nhau không có con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên không có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn” là đúng.

+ Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình đúng thẩm quyền.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn ông Nguyễn Thiện T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật; bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thiện T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét xử cho ông Nguyễn Thiện T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc H.

+ Về con chung: Ông Nguyễn Thiện T và bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền chung sống với nhau không có con chung nên không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Thiện T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thiện T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1984; Địa chỉ thường trú: 100/33/6 Hà Huy Giáp, khu phố 1, phường QT, thành phố BH, tỉnh ĐN; Chỗ ở hiện nay: 62/11/14A, tổ 14, khu phố 4, phường QT, thành phố BH, tỉnh ĐN. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn ông Nguyễn Thiện T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa đề ngày 18/8/2023, xét đơn ông T làm hợp lệ nên chấp nhận; bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thiện T và bà Nguyễn Thị Ngọc H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường TD, thành phố BH, tỉnh ĐN và được UBND phường TD cấp giấy chứng nhận kết hôn số 142/2013, quyền số 01/2013 ngày 01/11/2013. Căn cứ vào các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa ông T và bà H được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn ông Nguyễn Thiện T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ, ông T kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được như trình bày trên.

Theo biên bản xác minh ngày 24/7/2023 tại UBND phường TD, thành phố BH (Bút lục số 46) có tại hồ sơ ghi nhận nội dung: “Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn Thiện T và bà Nguyễn Thị Ngọc H tại địa chỉ: 202/54B khu phố 5, phường TD, thành phố BH, tỉnh ĐN có xảy ra hay không đại phương không nắm rõ do không nhận được trình báo cũng như liên hệ để giải quyết mâu thuẫn”. Theo văn bản số: 43/TLXM-CA của Công an phường QT, thành phố BH ngày 22/5/2023 (Bút lục số

37) có tại hồ sơ ghi nhận nội dung: “Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1984, có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: 100/33/6 Hà Huy Giáp, khu phố 1, phường QT, thành phố BH, tỉnh ĐN. Hiện tại bà H đang sinh sống tại địa chỉ: 62/11/14A, tổ 14, khu phố 4, phường QT, thành phố BH, tỉnh ĐN”. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà H đến trụ sở làm việc, tổ chức phiên họp hòa giải để bà H và ông T đoàn tụ nhưng bà H đều vắng mặt không đến Tòa án tham gia tố tụng nên Tòa án lập biên bản không tiến hành làm việc, hòa giải đoàn tụ được. Việc bà H không đến Tòa án cung cấp chứng cứ chứng minh là tự tước bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật. Qua xem xét đơn khởi kiện, trình bày của nguyên đơn và chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ, HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà H là có thật, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được theo như ông T trình bày trên nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét xử cho ông T được ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H.

- Về con chung: Ông Nguyễn Thiện T và bà Nguyễn Thị Ngọc H chung sống với nhau không có con chung, đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Ông Nguyễn Thiện T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Căn cứ vào các Điều 56, 57, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thiện T về việc “Ly hôn” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thiện T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc H.

- Về con chung: Ông Nguyễn Thiện T và bà Nguyễn Thị Ngọc H chung sống với nhau không có con chung.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Thiện T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0004801 ngày 08/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, ông T đã nộp đủ án phí.

3. Về kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Thiện T và bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND P. TD, TP. BH,
tỉnh ĐN (Giấy CNKH số 142/2013,
quyển số 01/2013, ngày 01/11/2013);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Phạm Tuấn